

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ R
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2022/KDTM-ST

Ngày: 26/9/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ R, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Nhận

Ông Lương Chí Nguyễn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã R

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn
Mộng Đẹp - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã R xét xử sơ
thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 175/2022/TLST- DS ngày 18 tháng 5 năm
2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 96/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty A.

Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Q, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp P, xã Đ,
huyện C, tỉnh Hậu Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Công ty B

. Địa chỉ: Khóm X, Phường Y, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T, sinh năm 1977. Địa chỉ: Khóm X,
Phường Y, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu – chức vụ: Giám đốc (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Bà C, sinh năm 1984.
Địa chỉ: Khóm X, Phường Y, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/4/2022, các lời khai trong hồ sơ người đại diện
theo ủy quyền của nguyên đơn ông Q trình bày: Ngày 02/10/2020 Công ty A có ký

Hợp đồng mua bán trả chậm sắt thép xây dựng với Công ty B số 115/2020/HĐMBTC do ông T làm Giám đốc. Trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán Công ty B thanh toán đơn hàng trễ hạn và quá hạn, theo hợp đồng ký kết thì vào cuối năm trễ nhất là 25 tháng 12 thì Công ty B phải thanh toán hết số nợ, nhưng Công ty B không thực hiện đúng cam kết. Nay công ty A yêu cầu Toà án giải quyết buộc Công ty B có trách nhiệm thanh toán nợ cho Công ty A cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 255.770.319 đồng
- Lãi chậm trả tính từ ngày 01/5/2021 đến 31/3/2022 là: 21.228.936 đồng
- Ngày 26/4/2022 Công ty B đã thanh toán được: 30.000.000 đồng
- Số tiền phải trả tiếp là: 246.999.255 đồng.

Đồng thời Công ty B còn phải chịu lãi suất trong giai đoạn thi hành án cho đến khi trả dứt nợ cho Công ty A.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: T và bà D dù đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên toà xét xử mà không có lý do chính đáng, nên Toà án không thể ghi nhận ý kiến của ông T và bà D.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và thể hiện trong đơn là giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện, buộc Công ty B có trách nhiệm thanh toán tiền nợ mua hàng hoá là 246.999.255 đồng và chịu lãi trong giai đoạn thi hành án cho đến khi trả dứt nợ cho Công ty A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán”. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong phiên họp công khai chứng cứ và vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do chính đáng là vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt người đại diện theo uỷ quyền của nguyên; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty B, buộc Công ty A có nghĩa vụ trả cho Công ty B tổng số tiền 246.999.255 đồng và chịu lãi suất trong giai đoạn thi hành án cho đến khi trả dứt nợ cho Công ty A. Đối với án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ yêu cầu của đương sự tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Công ty A và Công ty B có quan hệ hợp đồng mua bán hàng hoá, mục đích giao kết hợp đồng mua bán đều để phát sinh lợi nhuận. Do đó, quan hệ tranh chấp thuộc án kinh doanh thương mại theo quy định tại Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Công ty B có trụ sở hoạt động tại Khóm X, Phường Y, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân thị xã R.

[2] Về tố tụng: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Công ty A khởi kiện yêu cầu công ty B có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ mua bán hàng. Chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện Công ty A cung cấp: Hợp đồng mua bán số: 115/2020/HĐMDTC, ngày 02/01/2020; Thư xác nhận phải thu khách hàng ngày 30/04/2021; các hoá đơn giá trị gia tăng và các phiếu giao nhận hàng.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu nêu trên có cơ sở xác định Hợp đồng mua bán hàng hoá giữa Công ty A và Công ty B là có xảy ra trên thực tế; đồng thời ngày 30/4/2021 các bên đã đối chiếu công nợ, bà D là chủ sở hữu Công ty B ký xác nhận số tiền còn nợ Công ty A là 255.770.319 đồng. Do đó Công ty B khởi kiện yêu cầu Công ty A có trách nhiệm thanh toán số nợ mua hàng hoá còn lại là 255.770.319 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Đối với yêu cầu của Công ty A về việc yêu cầu Công ty B trả số tiền nợ lãi phát sinh từ nợ vốn 255.770.319 đồng từ ngày 01/5/2021 đến 31/3/2022 là: 21.228.936 đồng và lãi suất trong giai đoạn thi hành án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự quy định:

“ 1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”

Căn cứ Điều 486 Bộ luật dân sự quy định:

“ 1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”

Do Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng; các bên đã đối chiếu công nợ ngày 30/4/2021, nên Công ty Thành Ngọ yêu cầu Công ty B trả số tiền nợ lãi phát sinh từ nợ vốn 255.770.319 đồng từ ngày 01/5/2021 đến 31/3/2022 là có căn cứ. Xét thấy nợ gốc là 255.770.319 đồng $\times$ 0.83% $\times$ 10 tháng = 21.228.936 đồng. Tuy nhiên, ngày 26/4/2022 Công ty B đã thanh toán cho Công ty A 30.000.000 đồng. Như vậy Công ty B có nghĩa vụ trả cho Công ty B tổng số tiền: Nợ gốc 255.770.319 đồng + Nợ lãi chậm trả 21.228.936 đồng - Khoản nợ đã thanh toán 30.000.000 đồng = 246.999.255 đồng. Ngoài ra Công ty B còn phải chịu lãi trong giai đoạn thi hành án cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Công ty Thành Ngọ.

[4] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A và ý kiến đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai về việc giải quyết vụ án.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên Công ty B phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch Công ty B phải chịu là: $246.999.255 \text{ đồng} \times 5\% = 12.349.962 \text{ đồng}$.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 178; Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Các Điều 357, 430, 433, 440 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty A đối với Công ty B về việc tranh chấp hợp đồng mua bán.

Buộc Công ty B có nghĩa vụ trả cho Công ty A tổng số tiền 246.999.255 đồng (Hai trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm chín mươi chín nghìn hai trăm năm mươi lăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên đây, hàng tháng Công ty B phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch:

2.1. Buộc B phải nộp 12.349.962 đồng tiền án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai khi án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Công ty A không phải chịu án phí, Công ty A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 6.865.000 đồng tại Biên lai thu số 0004055 ngày 18/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai được hoàn lại toàn bộ.

3. Bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc

không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

- Nơi nhận:

- + TAND tỉnh Bạc Liêu;
- + VKSND cùng cấp;
- + Chi cục THADS cùng cấp;
- + Các đương sự;
- + Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thuý